

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-3-2022

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng; ông Hoàng Văn Mâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 713/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Xuân U; Sinh năm 1971

Địa chỉ: Số nhà XX đường P, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị C; Sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà XX đường P, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phùng Xuân U trình bày:

Ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/9/2010.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C chung sống hạnh phúc với nhau. Năm 2013 ông Phùng Xuân U bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 4 năm tù về tội vi phạm các quy định về bảo vệ rừng. Thời gian đầu bà Trần Thị C vẫn đến thăm nuôi ông Phùng Xuân U hàng tháng. Đến ngày 12/9/2017 bà Trần Thị C đã bỏ nhà đi không có tin tức gì. Bà Chung đi đâu không báo cho gia đình và chính quyền địa phương. Ngày 08/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên bố bà Trần Thị C mất tích theo Quyết định số 24/2021/QĐST-DS. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Phùng Xuân U yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Phùng Xuân U được ly hôn với bà Trần Thị C.

Về con chung: Ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C có 01 con chung là cháu Phùng Trần Thành V, sinh ngày 23/11/2010. Hiện nay cháu V đang ở cùng ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C đã bỏ đi khỏi địa phương từ lâu nên ông Phùng Xuân U có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Trần Thành V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phùng Xuân U không yêu cầu bà Trần Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phùng Xuân U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị C đã mất tích theo Quyết định tuyên bố một người mất tích số 24/2021/QĐST-DS ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Trần Thị C vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Xuân U vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị

C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 203, 266 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Xuân U.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Xuân U được ly hôn với bà Trần Thị C.

- Về con chung: Giao cháu Phùng Trần Thành V, sinh ngày 23/11/2010 cho ông Phùng Xuân U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phùng Xuân U không yêu cầu bà Trần Thị C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phùng Xuân U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Phùng Xuân U phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phùng Xuân U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị C và giải quyết việc nuôi con chung, đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”; bị đơn bà Trần Thị C có cư trú cuối cùng tại số XX đường P, tổ dân phố Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Xuân U vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/9/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông Phùng Xuân U trình bày, năm 2013 ông Phùng Xuân U bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 4 năm tù về tội vi phạm các quy định về bảo vệ rừng. Thời gian đầu bà Trần Thị C vẫn đến thăm nuôi ông Phùng Xuân U hàng tháng. Đến ngày 12/9/2017 bà Trần Thị C đã bỏ nhà đi không có tin tức gì. Bà C đi đâu không báo cho gia đình và chính quyền địa phương. Ngày 08/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên bố bà Trần Thị C mất tích theo Quyết định số 24/2021/QĐST-DS. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Phùng Xuân U yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Phùng Xuân U được ly hôn với bà Trần Thị C.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: “Trong thời gian ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ khi bà Trần Thị C bỏ đi khỏi địa phương thì ông Ủy và bà Chung không còn chung sống với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Ngày 08/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên bố bà Trần Thị C mất tích theo Quyết định số 24/2021/QĐST-DS, hiện ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C đã sống ly thân, đã thể hiện mâu thuẫn giữa ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Phùng Xuân U.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Phùng Xuân U và bà Trần Thị C có 01 con chung là cháu Phùng Trần Thành V, sinh ngày 23/11/2010. Bà Trần Thị C đã mất tích, không có tin tức gì, hiện cháu Phùng Trần Thành V đang sống với ông Phùng Xuân U. Ông Phùng Xuân U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phùng Trần Thành V. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là

cháu Phùng Trần Thành V, sinh ngày 23/11/2010 cho ông Phùng Xuân U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phùng Xuân U không yêu cầu bà Trần Thị C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phùng Xuân U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Phùng Xuân U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn bà Trần Thị C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Xuân U.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Xuân U được ly hôn với bà Trần Thị C.

Về con chung: Giao cháu Phùng Trần Thành V, sinh ngày 23/11/2010 cho ông Phùng Xuân U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phùng Xuân U không yêu cầu bà Trần Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phùng Xuân U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Phùng Xuân U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Phùng Xuân U đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0009664 ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường E, TP. BMT tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My